

Số: 140/2019/QĐST-DS

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thế Vọng

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Nga

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên họp:
Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 47/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 51/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Đàm Thị H, sinh năm 1964; cư trú tại: Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Ông Quách Chấn H, sinh năm 1974;

2.2. Bà Quách Tuyết A, sinh năm 1966;

Cùng cư trú tại: Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2.3. Chi cục Thi hành án thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lưu Thị Huyền N - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

[1]. Theo đơn yêu cầu ngày 10 tháng 5 năm 2018 và đơn bổ sung yêu cầu ngày 04 tháng 01 năm 2019, người yêu cầu bà Đàm Thị H trình bày:

Bà H là người được thi hành án đối với người phải thi hành án là ông Quách Chấn H theo thông báo về việc thi hành án số 590/TB-CCTHADS ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo Bản án số 102/2017/DS-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T thì ông H phải thanh toán cho bà H số tiền là 89.000.000 đồng và số tiền lãi chậm thi hành án.

Quá trình thi hành án xác định ông H có tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích là 39,45m², đất thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 32, tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 798xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00xxx), số BG 798xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00xxx) do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 31/10/2011 là tài sản chung của ông Quách Chấn H và bà Quách Tuyết A và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích là 4,1m², đất thuộc thửa đất số 369, tờ bản đồ số 32, tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 798xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00xxx), số BG 798xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00xxx) do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 31/10/2011 là tài sản chung của ông Quách Chấn H và bà Quách Tuyết A; cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Nhưng do các tài sản này là tài sản chung của ông H, bà A nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T không thể kê biên tài sản để thi hành án cho bà H.

Nay, bà H yêu cầu xác định tài sản của ông H trong khối tài sản chung với bà A để bà H được thi hành án.

[2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Quách Chấn H và bà Quách Tuyết A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Quách Chấn H và bà Quách Tuyết A.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T do bà Lưu Thị Huyền N là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà H là người được thi hành án đối với người phải thi hành án là ông Quách Chấn H theo thông báo về việc thi hành án số 590/TB-CCTHADS ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo Bản án số 102/2017/DS-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T thì ông H phải thanh toán cho bà H số tiền là 89.000.000 đồng và số tiền lãi chậm thi hành án. Ngoài ra, ông Quách Chấn H còn phải nộp án phí dân sự là 4.450.000 đồng.

Quá trình thi hành án như lời trình bày của Bà H.

Nay trước yêu cầu của bà H, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4]. Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên họp:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định tại Điều 366 và Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, đề nghị chủ tọa phiên họp chấp nhận yêu cầu của bà Đàm Thị H, xác định trong khối tài sản chung của ông Quách Chấn H và bà Quách Tuyết A mà bà H yêu cầu thì ông H và bà A mỗi người được sở hữu, sử dụng ½.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố T nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quyền yêu cầu*: Do ông Quách Chấn H là người phải thi hành án và bà Đàm Thị H là người được thi hành án nên bà H có quyền yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông H để thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Thi hành án dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Do cơ quan có thẩm quyền thi hành án là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T và tài sản cần xác định là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thành phố T nên yêu cầu của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của bà Đàm Thị H, xét thấy:

[2.1]. Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ giải quyết việc dân sự, có cơ sở xác định, nguồn gốc diện tích đất 46,8m² tại Khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X983xxx (vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00xxxQSĐĐ/H) do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 26/5/2004 và căn nhà gắn liền với đất tại phường P, thị xã T, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 100xxx do Sở Xây dựng tỉnh Sông Bé cấp ngày 02/7/1987 là tài sản của bà Quách Tố P và ông Nghê Văn G.

[2.2]. Ngày 20/11/2008, bà Quách Tố P và ông Nghê Văn G lập hợp đồng tặng cho các em là ông Quách Chấn H và bà Quách Tuyết A toàn bộ tài sản này để làm tài sản riêng, không được xác lập vào khối tài sản chung của vợ chồng. Ngày 16/02/2011, ông H, bà A làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 31/10/2011 ông H, bà A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất: Thửa đất số 368, tờ bản đồ số 32, có diện tích là 39,45m² và thửa đất số 369, tờ bản đồ số 32, có diện tích là 4,1m². Ông H, bà A sử dụng ổn định cho đến nay.

[2.3]. Như vậy, đủ cơ sở xác định khối tài sản trên là tài sản chung của ông H và bà A. Trong hợp đồng tặng cho không xác định bà Quách Tố P và ông Nghê Văn G tặng cho ông Quách Chấn H và bà Quách Tuyết A mỗi người là bao nhiêu nên ông H và bà A mỗi người được sở hữu, sử dụng ½ khối tài sản trên là phù hợp với quy định tại các Điều 207, 209, 212, 219 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu được chấp nhận.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết việc dân sự của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là phù hợp.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39; các Điều 149, 366, 369, 370, 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Thi hành án dân sự; các Điều 207, 209, 212, 219 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Đàm Thị H.

Xác định ông Quách Chấn H, bà Quách Tuyết A mỗi người có $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất có diện tích là $39,45m^2$, đất thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 32, tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 798xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00xxx) và số BG 798xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00xxx) do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 31/10/2011 mang tên ông Quách Chấn H và bà Quách Tuyết A;

- Quyền sử dụng đất có diện tích là $4,1m^2$, đất thuộc thửa đất số 369, tờ bản đồ số 32, tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 798xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00xxx) và số BG 798xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00xxx) do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 31/10/2011 mang tên ông Quách Chấn H và bà Quách Tuyết A;

- Các tài sản gắn liền với thửa đất 368 và 369, tờ bản đồ số 32 trên.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Đàm Thị H phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022032 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp, có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định.

3.2. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thế Vọng